

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **210/2024/DS-ST**
Ngày: 17-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phước Tường
- Ông Bùi Văn Màu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Dương Minh X** sinh năm 1952 (có mặt).

HKTT: Phường n, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện tại: Phường n, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn N** sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã HT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị **Trần Thị Út T** sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xã HT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Ông **Nguyễn Văn P** sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã HT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông **Dương Minh X** trình bày:

Do anh N và chị T có bà con bên vợ của ông nên ông có cho anh N và chị T vay nhiều lần tiền, cụ thể:

- + Lần 1 vay 100.000.000 đồng hạn ngày 02/02/2022 trả;
- + Lần 2 vay 50.000.000 đồng vào ngày 27/11/2020;
- + Lần 3 vay 200.000.000 đồng vào ngày 25/3/2021;
- + Lần 4 vay 100.000.000 đồng vào ngày 04/5/2021;
- + Lần 5 vay 100.000.000 đồng vào ngày 11/5/2021;
- + Lần 6 vay 100.000.000 đồng vào ngày 21/6/2021;
- + Lần 7 vay 100.000.000 đồng vào ngày 22/6/2021.

(Còn 01 lần vay khác nhưng ông chưa khởi kiện).

Việc vay tiền không có thỏa thuận lãi, tổng cộng 07 lần vay với số tiền là 750.000.000 đồng, có biên nhận do anh N ký tên và hạn ngày 02/02/2022 trả hết.

Anh N và chị T vay tiền là để ông P mua bán mai vàng và ông có đến nhà ông P để xác minh nên ông mới cho anh N và chị T vay tiền.

Đến nay anh N và chị T chưa trả cho ông khoản tiền nào.

Nay ông thống nhất anh N và chị T hiện còn nợ ông 700.000.000 đồng. Yêu cầu anh N, chị T và ông P trả số tiền là 700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả ngay, không đồng ý cho trả dần.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn N trình bày:*

Anh xác định là anh và vợ là chị T có vay của ông X tổng cộng là 700.000.000 đồng, vay để làm ăn kinh tế gia đình nhưng đến nay chưa trả. Nay anh và chị T đồng ý trả cho ông X 700.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Ông P là cha của anh nhưng không có liên quan gì trong vụ kiện này.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Út T trình bày:*

Chị xác định là chị và chồng là anh N có vay của ông X tổng cộng là 700.000.000 đồng, vay để làm ăn kinh tế gia đình nhưng đến nay chưa trả. Nay chị và anh N đồng ý trả cho ông X 700.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn P trình bày:*

Ông không có vay tiền của ông X do đó không đồng ý với yêu cầu của ông X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quá trình giải quyết vụ án, ông Dương Minh X trình bày có cho anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Út T vay tiền và anh N, chị T cũng thừa nhận có việc vay tiền; nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại xã HT, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Xét thấy, anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Út T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, ông Nguyễn Văn P vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông P, anh N và chị T.

[3] Về yêu cầu anh N, chị T và ông P trả số tiền 700.000.000 đồng: Xét thấy, tại các biên nhận và trong quá trình giải quyết vụ án, anh N và chị T thừa nhận có vay của ông X số tiền 700.000.000 đồng và hiện còn nợ ông X số tiền trên chưa trả, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông P có tham gia vay tiền và đồng thời ông P, anh N và chị T cũng không thừa nhận việc ông P có tham gia vay tiền. Do đó Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông X, cần buộc anh N và chị T trả cho ông X với số tiền 700.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự .

[4] Đối với yêu cầu xin trả của anh N và chị T: Xét thấy, anh N và chị T xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, ý kiến này không được ông X đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này của anh N và chị T.

[5] Về án phí:

Anh N và chị T phải chịu 32.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông X là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh X.

Buộc anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Út T trả cho ông Dương Minh X số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Út T phải chịu 32.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn toàn bộ án phí cho ông Dương Minh X.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với ông Dương Minh X được tính từ ngày tuyên án; đối với ông Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Út T được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi